TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. ----------

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiệp

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Số nhà 305, Tổ 15, Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc N, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Số nhà 305, Tổ 15, Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 164, quyển số 01 ngày 23/12/2002. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không lo cho vợ, con; không làm tròn trách nhiệm của một người chồng,

người cha. Mặc dù chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian nên chị phải tự lo cho cuộc sống gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay tôi thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 14/11/2006 và Trần Anh T, sinh ngày 27/11/2009. Hiện nay hai con chung đang sống với chị. Nếu ly hôn chị xin được nuôi 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng có đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Ngọc Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân đúng như chị T khai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh không làm tròn trách nhiệm một người chồng, người cha; anh không lo cho vợ con đầy đủ. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của chị Trinh thì anh không đồng ý vì còn thương yêu vợ, con, không muốn gia đình đỗ vỡ.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 14/11/2006 và Trần Anh T, sinh ngày 27/11/2009. Hiện nay hai con chung đang sống với chị T. Trong giao đoạn chuẩn bị xét xử ý kiến của anh N nếu ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa ý kiến của anh N do không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh N đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh N do anh N không có trách nhiệm với gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Chị T được ly hôn

anh N. Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 14/11/2006 và Trần Anh T, sinh ngày 27/11/2009. Hiện nay 02 con đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, đề nghị giao 02 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn, tranh chấp về con chung; anh Trần Ngọc N không đồng ý ly hôn, về con chung: trong giao đoạn chuẩn bị xét xử ý kiến của anh N nếu ly hôn anh đồng ý giai 02 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa ý kiến của anh N do không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

- Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm: 1984 có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Ngọc N, trú tại: Số nhà 305, Tổ 15, Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Tú T là nguyên đơn, anh Trần Ngọc N là bị đơn, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân xét thấy: chị T và anh N kết hôn với nhau năm 2002 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã M, huyện P (nay là huyện B), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 164 quyển số 01/2002 ngày 23/12/2002 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không lo cho vợ, con; không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha. Mặc dù chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian nên chị phải tự lo cho cuộc sống gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay nên chị xin ly hôn với anh N.

Còn đối với anh N cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân do anh không làm trách trách nhiệm một người chồng, người cha, không lo cho vợ con đầy đủ. Nhưng nay do còn thương yêu vợ, con nên anh không đồng ý.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu thì quá trình chị T và anh N chung sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị T cho rằng anh N không làm tròn trách nhiệm người chồng, người cha từ đó vợ chồng cải vã, xung đột lẫn nhau. Mâu thuẫn của chị T anh N chưa được chính quyền địa phương hòa giải do đương sự không yêu cầu.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, Tòa án đã nhiều lần phân tích, giải thích các quy định của pháp luật, hòa giải giữa các đương sự để vợ chồng chị T, anh N hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị T vẫn giữ nguyên ý kiến, kiên quyết xin ly hôn, anh N không đồng ý ly hôn.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh N là có thật và đã trầm trọng. Do đó, chị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Chị Nguyễn Thị Tú T được ly hôn anh Trần Ngọc N.

- Về quan hệ con chung: Theo chị T, anh N, anh chị có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 14/11/2006 và Trần Anh T, sinh ngày 27/11/2009. Hiện nay hai con chung đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ý kiến của chị T, nếu ly hôn chị xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Còn ý kiến của anh N trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nếu ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa do anh không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Xét thấy, từ khi vợ chồng chị T anh N ly thân cho đến nay hai con chung vẫn do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; phát triển bình thường về tâm thần lẫn thể chất, ý kiến của cháu B và cháu T muốn được sống với chị T. Do đó, giao 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 14/11/2006 và Trần Anh T sinh ngày 27/11/2009 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000824 ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91 và Điều 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú T được ly hôn anh Trần Ngọc N.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Tú T và anh Trần Ngọc N có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 14/11/2006 và Trần Anh T, sinh ngày 27/11/2009. Hiện nay hai con chung đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 14/11/2006 và Trần Anh T, sinh ngày 27/11/2009 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Ngọc N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000824 ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tú T, anh Trần Ngọc N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã N, H. B (01);
- Đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn